

Số: 294a/BC-THPL

Phả Lại, ngày 9 tháng 9 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Phả Lại

Địa chỉ: Số 223- Đường Thanh Xuân – KDC số 3 – Phường Phả Lại – TP Chí Linh

Điện thoại: Website: <https://thphalai.edu.vn/>

2. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Chí Linh.

3. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành: Tháng 8 năm 2019, trường Tiểu học Phả Lại được thành lập sau khi sáp nhập Trường Tiểu học Phả Lại 1 và Trường Tiểu học Phả Lại 2.

Trường Tiểu học Phả Lại là trường công lập do UBND TP Chí Linh thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn phường Phả Lại.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng

GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Thuận lợi cơ bản của nhà trường là tỉ lệ Gv đạt GVG cấp TP trở lên đạt trên 67% trong đó GVG cấp Quốc gia có 01 đ/c, GVG cấp Tỉnh có 11 đ/c, đa số giáo viên có ý thức trách nhiệm. Hầu hết các em học sinh ngoan, lễ phép, chịu khó học tập và rèn luyện. Năm học 2022- 2023 nhà trường đạt TTLĐ Xuất sắc, được Chủ tịch UBND thành phố tặng giấy khen; năm học 2023- 2024 nhà trường đạt TTLĐ xuất sắc, được Chủ tịch UBND Tỉnh tặng Bằng khen.

Bên cạnh đó, trường cũng có những khó khăn nhất định như một số giáo viên mới ra trường kinh nghiệm giảng dạy còn hạn chế; hiện nay nhà trường có 8 HS thuộc hộ nghèo, 14 HS thuộc hộ cận nghèo; 7 HS KT, 17 HS con dân tộc; 25 HS có hoàn cảnh khó khăn, một số phụ huynh tập trung lo cho cuộc sống nên mức độ quan tâm đến việc học của con em còn hạn chế; Công tác quản lý chất lượng của nhà trường trong những năm qua được thực hiện tốt: tổ chức thực hiện đúng đủ chương trình; kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên thường xuyên, phân công chuyên môn hợp lý, đúng năng lực; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin qua các chuyên đề, tổ chức bồi dưỡng giáo viên; và quản lý chất lượng giáo dục bằng phần mềm VNEDU. Trong những năm qua, trường Tiểu học Phả Lại đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong thành phố. Trường có nhiều cán bộ, giáo viên được công nhận từ danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, BGD&ĐT. Nhiều năm liền nhà trường có tỷ lệ học sinh tham gia các hội thi giao lưu đạt cấp Quốc gia, Tỉnh, TP đạt kết quả cao. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,7%. đến 100%, tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành CTTH đạt 100%.

1. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Đinh Thị Chinh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 223 - Đường Thanh Xuân – KDC số 3 – Phường Phả Lại – TP Chí Linh

Số điện thoại: 0367. 980. 187 Gmail: dingthichinhhtlx@gmail.com

a. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Phả Lại được thành lập theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND thành phố Chí Linh, có hiệu lực từ ngày 01/8/2019.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 474/QĐ-PGD&ĐT ngày 05/8/2024 của PGD&ĐT TP Chí Linh Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường Trường TH Phả Lại nhiệm kỳ 2024 – 2029

môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Phả Lại được thành lập theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 24/7/2019 của UBND thành phố Chí Linh. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, Phả Lại là một phường công nghiệp nằm ở phía Tây thành phố Chí Linh, có nhiều cơ quan, đơn vị, nhà máy xí nghiệp trên địa bàn. Nói chung điều kiện kinh tế của nhân dân địa phương khá ổn định, có nhiều thuận lợi, triển vọng phát triển tốt.

Trường Tiểu học Phả Lại là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT TP Chí Linh.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Danh sách Hội đồng trường:

ST T	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Đinh Thị Chinh	Hiệu trưởng	TH Phả Lại	CTHĐ	
2	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	CT công đoàn	TH Phả Lại	PCTHĐ	
3	Nguyễn Thị Hiền	Tổ trưởng tổ 1	TH Phả Lại	Thành viên	
4	Nguyễn Thị Hoạt	Tổ trưởng tổ 4 + 5	TH Phả Lại	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Thùy Dung	Tổ trưởng tổ môn Chuyên	TH Phả Lại	Thành viên	
6	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Kế toán	TH Phả Lại	Thành viên	
7	Nguyễn Thị Vui	Bí thư chi đoàn	TH Phả Lại	Thành viên	
	Nguyễn Văn Nhân	Phó chủ tịch UBND Phường	UBND phường Phả Lại	Thành viên	
	Vũ Ngọc Hùng	Trưởng ban đại diện CMHS		Thành viên	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 4957/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND TP Chí Linh Về việc điều động luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Phả Lại.

Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND TP Chí Linh Về việc điều động luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Phả Lại.(đ/c Trần Thị Ngọc Hoa)

Quyết định số 2534/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND TP Chí Linh Về việc bổ nhiệm lại chức vụ PHT trường Tiểu học Phả Lại.(đ/c Phạm Thị Thuỷ)

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Phả Lại

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá : Tốt

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 64 (trong đó Tốt: 47/64 = 73,4%; Khá 17/64 = 33,3%; TB: 2/12 = 26,5%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 70/70 = 100% trong đó BGH:03, GV: 64, Nhân viên: 03.

3. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chấtSTT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiê	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	7	7	0	
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc			0	
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật			0	
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ			0	
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1		1	
1.6	Phòng học đa chức năng	1		1	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	1		1	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1		1	

2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập			0	
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	1		1	
2.5	Phòng truyền thống				
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1		1	
3.2	Phòng Y tế trường học	1		1	
3.3	Nhà kho	0			
3.4	Khu để xe học sinh	1			1
3.5	Khu vệ sinh học sinh	1			1
3.6	Phòng giáo viên	0			
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0			
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0			
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	1			
4.2	Sân thể dục thể thao	0			
4.3	Nhà đa năng	0			
5	Tổng diện tích đất (m²)	9.038,1 (m ²)			
6	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2 000(m ²)			
7	Diện tích các phòng	1.319(m ²)			

7.1	Diện tích phòng học (m ²)	42(m ²)			
7.2	Diện tích phòng Thư viện (m ²)	35(m ²)			
7.3	Diện tích phòng Ngoại ngữ	42(m ²)			
7.4	Diện tích phòng Tin học	42(m ²)			
8	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: Bộ)				
8.1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định	5			
8.1.1	Khối lớp 1	2			
8.1.2	Khối lớp 2	2			
8.1.3	Khối lớp 3	2			
8.14	Khối lớp 4	2			
8.15	Khối lớp 5				
8.2	Tổng số TBDH TT còn thiếu so theo quy định				
8.2.1	Khối lớp 1	0			
8.2.2	Khối lớp 2	0			

8.2.3	Khối lớp 3	0			
8.2.4	Khối lớp 4	0			
8.2.5	Khối lớp 5	2			
9	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	19			
10	Tổng số thiết bị dùng chung				
10.1	Ti vi	11			
10.2	Cát sét	1			
10.3	Máy chiếu	1			
10.4	Máy chiếu vật thể	2			
		Có	Không		
11	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X			
12	Nguồn điện lưới	X			
13	Kết nối Internet	X			
14	Trang Thông tin điện tử(website) của trường	X			
15	Tường rào	X			

* Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:

- Sách giáo khoa lớp 5

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Duy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	- Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên). Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng. - Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên). Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Phạm Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5 (Chân trời sáng tạo)	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	NXB Giáo Dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên LS), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần LS), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần LS), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên	NXB Giáo Dục Việt Nam

			phần ĐL), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần ĐL), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	
5	Khoa học	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	NXB Giáo Dục Việt Nam
6	Đạo đức	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên); Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Phạm Văn Thuận	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên) Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học	Tin học 5 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	NXB Đại học sư phạm

11	Công nghệ	Công nghệ 5 (Cánh diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
	Tiếng Anh (Global success)	Tiếng Anh 5 (Global success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB Giáo Dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 4

Môn/HĐG D	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
Tiếng Việt	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm.	
Toán	Toán 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
Đạo đức	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phần Lịch sử: Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Phần Địa lý: Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên) Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Khoa học	Khoa học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả: Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Tin học	Tin học 4 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
Công Nghệ	Công Nghệ 4 (Cánh diều)	Nguyễn Tất Thắng (Tổng chủ biên) Trần Thị Minh Hằng, Nguyễn Thị Mai Lan (Đồng chủ biên) Hoàng Xuân Anh.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Âm nhạc	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 4 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (Chân trời sáng tạo)	Tác giả: Phó đức Hòa (Tổng chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Tiếng Anh	Tiếng Anh 4(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản GD Việt Nam

			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm	
2	Toán	Toán 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản GD Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học	Tin học 3 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Chí Trung, Kiều Phương Thùy	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Công Nghệ	Công Nghệ 3 (Cánh diều)	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng chủ biên), Hoàng Đình Long (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hoa, Nguyễn Thị Mai Lan.	NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

7	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc	Âm nhạc 3(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 3(Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 (Chân trời sáng tạo)	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 2

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yên Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Chân trời sáng tạo)	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yên Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh Trang, Lê Phương Trí.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 1

Stt	Môn/HDGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 1(Cùng học để phát triển năng lực)	Nguyễn Thị Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Thị Hương Giang; Nguyễn Lê Hằng; Đặng Thị Lanh; Trần Thị Hiền Lương; Trịnh Cam Ly.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
2	Toán	Toán 1(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Duy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 1 (Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục)	Phạm Quỳnh (Chủ biên), Trần Thị Thủy Dung, Nguyễn Hà My, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 1(Cùng học để phát triển năng lực)	Nguyễn Hữu Đĩnh (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Hồng Liên.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 1(Cùng học để phát triển năng lực)	Hồ Đắc Sơn (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
6	Âm nhạc	Âm nhạc 1(Cùng học để phát triển năng lực)	Hoàng Long (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn thị Thanh Bình, Trần Văn Minh, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 1(Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục)	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư.	Nhà xuất bản GD Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1(Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục)	Bùi Ngọc Diệp, Phó Đức Hòa (đồng chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	Nhà xuất bản GD Việt Nam

4. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đang hực hiện thu thập minh chứng các tiêu chí trường chuẩn theo các văn bản hướng dẫn.

5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a. **Kế hoạch tuyển sinh:** Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024 - 2025 (KH số 221 / KH- THPL, ngày 28 tháng 6 năm 2024)

2. Đối tượng tuyển sinh:

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở phường Phả Lai.

Chỉ tiêu tuyển sinh:

- Số lớp: 9 lớp
- Số HS: 287 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

* Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ ngày 10/7/2024 đến ngày 16/7/2024.

b. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

i. Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 09 lớp với tổng số học sinh là:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
1	320	9	139	2	3
2	291	8	128	2	
3	353	10	165	2	3
4	322	9	152	1	1
5	324	10	162		2
Tổng	1610	46	746	7	9

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	320	5	5
2	291	5	8
3	353	6	10
4	322	6	7

5	324	6	7
Toàn trường	1610	28	37

2. Thống kê kết quả đánh giá theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023- 2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Khối 1	320	232	9	72	4
2	Khối 2	292	177	33	82	
3	Khối 3	354	168	29	154	
4	Khối 4	324	177	22	124	
	Tổng Số	1.290	754	93	432	4

- Kết quả đánh giá năng lực chung của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Lớp	Sĩ số	Tự chủ và tự học			Giao tiếp và hợp tác			Giải quyết vấn đề và sáng tạo		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
1	Khối 1	320	272	42	3	269	47	1	266	48	3
2	Khối 2	292	218	74		220	72		217	75	
3	Khối 3	354	278	73		271	80		265	86	
4	Khối 4	324	249	74		255	68		241	82	
	Tổng	1290	1017	263	3	1015	267	1	989	291	3

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Lớp	Số	Ngôn ngữ			Tinh toán			Khoa học			Thẩm mỹ			Thể chất		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
1	Khối 1	320	274	39	4	290	23	4	264	52	1	249	66	2	258	59	
2	Khối 2	292	230	62		232	60		219	73		221	71		225	67	
3	Khối 3	354	276	75		244	107		260	91		259	92		263	88	
4	Khối 4	324	242	81		242	81		270	53		230	93		230	93	
	Tổng	1290	1022	257	4	1008	271	4	1013	269	1	959	322	2	976	307	

- Kết quả đánh giá năng lực đặc thù của học sinh lớp 3, lớp 4 (Tin học, Công nghệ) cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Khối	Số	Công nghệ			Tin học		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
1	Khối 3	354	277	74		242	109	
2	Khối 4	324	258	65		246	77	
	Tổng	1290	535	139		488	186	

- Kết quả đánh giá phẩm chất chủ yếu học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Khối	Số	Yêu nước			Nhân ái			Chăm chỉ			Trung thực			Trách nhiệm		
			Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
1	Khối 1	320	292	25		287	30		273	44		285	32		272	45	
2	Khối 2	292	245	47		234	58		217	75		229	63		226	66	
3	Khối 3	354	284	67		275	76		279	72		278	73		272	79	
4	Khối 4	324	282	41		270	53		246	77		272	51		247	76	
	Tổng	1290	1103	180	0	1066	217	0	1015	268	0	1064	219	0	1017	266	0

- Kết quả đánh giá giáo dục của học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024

(Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Khối / Lớp	Số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Khối 5	325	211	35	79	

- Kết quả đánh giá phẩm chất học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023- 2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

Sĩ số	Chăm học chăm làm			Tự tin trách nhiệm			Trung thực kỉ luật			Đoàn kết yêu thương		
	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
325	281	42		284	39		289	34		292	31	

Kết quả môn tiếng anh các lớp 3, 4, 5 cuối năm học 2023-2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

STT	Khối	Sĩ số	Tiếng Anh		
			Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	3	351	270	81	
2	4	323	226	97	
3	5	323	233	90	
	Tổng	997	729	268	0

Kết quả đánh giá năng lực học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023- 2024 (Có biểu chi tiết kèm theo)

Sĩ số	Tự phục vụ tự quản			Hợp tác			Tự học và giải quyết vấn đề		
	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng	Tốt	Đạt	Cần cố gắng
325	291	32		283	40		278	45	

Có 04 học sinh ôn lại trong hè. Toàn trường có 04 học sinh chưa HTCTLH.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: Năm học 2022- 2023: 1686, Năm học 2023-2024: 1602.

6.KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1.Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch dự thu – chi năm học 2023-2024;

Căn cứ QĐ số 5206/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.158.844.863
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.158.844.863

3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	12.158.844.863
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.735.005.000
3.11	Quỹ tiền lương	9.521.327.521
3.12	Chi hoạt động	1.213.677.479
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.423.839.863
3.2.1	Chi phí học tập	23.550.000
3.2.2	Kinh phí cải cách tiền lương	970.470.000
3.2.3	Phụ cấp ưu đãi nghề	159.819.863
3.2.4	Chi phí thuê mướn khác	19.843.000
3.2.5	Sửa chữa tài sản, và các công trình khác	250.157.000

4. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2022-2023

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 2 năm học 2022-2023	17	12.750 000	
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	18	10.800000	

5. Công khai các khoản thu năm học 2022-2023 .

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Trông xe	đồng/học sinh/ tháng	10.000 đ	
3	Ăn bán trú	Đồng/ xuất	19.000 đ	
4	Phục vụ bán trú	Đồng / học sinh/ tháng	120.000 đ	
5	Phụ phí bán trú	Đồng / học sinh/ tháng	5.000 đ	
6	CSVC đầu vào bán trú	Đồng / học sinh/ năm	139.000 đ(HS lớp 1) ; 30.000 đ (HS lớp 2-5)	

7	2 Buổi / ngày	Đồng / học sinh/ tháng	67.000 đ; 90.000 đ	
8	Tiếng Anh victoria	Đồng / học sinh/ tháng	70.000 đ ;51.000 đ	
9	Kỹ năng sôngs	Đồng / học sinh/ tháng	50.000 đ; 48.000 đ	
10	Vệ sinh	Đồng / học sinh/ tháng	20.000 đ	
11	Nước uống	Đồng / học sinh/ tháng	7.000 đ	
12	Tài trợ CSVN			

Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng		

Năm 2024 : Nguồn ngân sách

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0

I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.145.245.063
I	Nguồn ngân sách trong nước	16.145.245.063

Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
Năm học 2023-2024				
2	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
3	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	15 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK
Năm học 2024-2025				
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	15 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK
Năm học 2025-2026				
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Tiền phô tô để kiểm tra	đồng/học sinh/ năm học	15 000đ	Thực hiện theo NQ 13/2021 – HDND tỉnh BK

Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		
2	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	16.299.187	TK 3713.0.1103141.00000 kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu của học sinh

Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	17	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	1.123.927.908	
III	Các khoản giảm trừ		0	
	Số lượng NPT tính giảm trừ		0	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh		2.244.000.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		0	
3	Bảo hiểm được trừ		0	
4	Bảo hiểm được trừ		119.973.161	
V	Thu nhập tính thuế		0	

Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1	Phô tô đề ktra	2 730 000	1 365 000	1 365 000	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.821.941 .5 00	1.420.579.785	1.417.111.715	

1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.404.829.785	1.417.111.715	
	Tiền lương		616.458.600	616.458.600	
	Lương hợp đồng theo chế độ				
	Phụ cấp lương		517.764.707	517.764.707	
	Các khoản đóng góp		176.870.520	176.870.520	
	Tiền thưởng				
	Phúc lợi tập thể			14.000.000	
	Thanh toán dịch vụ công cộng		7.450.908	6.000.000	
	Vật tư văn phòng		8.576.000	10.000.000	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		4.316.650	4.000.000	
	Công tác phí		2.000.000	2.400.000	
	Chi phí thuê mướn		9.000.000	9.000.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên		2.120.000	10.617.888	
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		34.782.400	16.000.000	
	Chi khác		25.490.000	25.000.000	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		15.750.000	9.000.000	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy thử nghiệm chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp TP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2023 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Phả Lại.

Nơi nhận:

* Gửi bản điện tử:

- PGD&ĐT (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.,

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Chinh